**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**MÔN: TIẾNG VIỆT; LỚP 1**

**TÊN BÀI HỌC: BÀI 118: OAM OĂM; TIẾT: 265 + 266**

**THỜI GIAN THỰC HIỆN: NGÀY 17 THÁNG 02 NĂM 2025**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

- Nhận biết các vần **oam, oăm**; đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **oam, oăm**.

- Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **oam,** vần **oăm**.

- Đọc đúng và hiểu bài tập đọc **Mưu chú thỏ**.

- Viết đúng các vần **oam, oăm,** các tiếng **ngoạm**, (mỏ) **khoằm** cỡ nhỡ (trên bảng con).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1. Giáo viên:**

-Thẻ chữ để HS làm BT đọc hiểu

- Máy chiếu để minh họa từ khóa, từ trong bài tập, mẫu vật, vật thật

- Bảng cài, bộ thẻ

**2. Học sinh:**

**-** Sách giáo khoa, sách bài tập Tiếng Việt

- Bút chì, đồ dùng học tập

- Bảng con, phấn

- Bảng cài, bộ

- Vở bài tập Tiếng Việt 1, tập hai.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5 phút****20 phút****10ph****30 phút****5 phút** | **1. Hoạt động mở đầu:** Ổn định lớp**-** Cả lớp hát**2. Hoạt động hình thành kiến thức:**DẠY BÀI MỚI **Giới thiệu bài**: vần **oam**, vần **oăm**. **Hoạt động 1: *Dạy vần oam*** - GV giới thiệu vần **oam**/HS (cá nhân, cả lớp): **o - a - mờ - oam**. (Đây là vấn đầu tiên có mô hình “âm đệm + âm chính + âm cuối” mà HS được học, GV dạy kĩ để HS học những vần tiếp theo nhanh hơn.- HS nhìn hình, nói: ngoạm/ Tiếng **ngoạm** có vần **oam**/ Phân tích vần **oam**: âm **o** đứng trước, âm **a** đứng giữa, **m** đứng cuối./ Đánh vần, đọc trơn: o - a - mờ - oam / ngờ - oam - ngoam - nặng - ngoạm / ngoạm.**Hoạt động 2: *Dạy vần oăm*** (như vần **oam**): Đánh vần, đọc trơn: *o - ă - mờ - oăm / khờ - oăm - khoăm - huyền - khoằm / mỏ khoằm.*\* Củng cố: Cả lớp đọc trơn các vần mới, từ khoá vừa học. **3. Hoạt động vận dụng, thực hành:** **Hoạt động 1: *Mở rộng vốn từ*** (BT 2: Tiếng nào có vần oam? Tiếng nào có vần oăm?).- GV chỉ từng từ cho 1 HS đánh vần, 1 tô đánh vần: *nhồm nhoàm, sâu hoắm, ngoạm*. Chỉ từng câu cho cả lớp đọc trơn: *Dê nhai lá nhồm nhoàm.*- HS đọc thầm từng câu, tìm tiếng có vần **oam**, vần **oăm**. /HS nói kết quả - GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **nhoàm** có vần **oam**. Tiếng **hoắm** có vần **oăm**...**Hoạt động 2: *Tập viết*** (bảng con - BT 4) a) HS đọc các vần, tiếng vừa học: **oam, oăm, ngoạm, mỏ khoằm**. b) Viết vần: **oam, oăm**- 1 HS đọc vần oam, nói cách viết. / GV vừa viết vừa hướng dẫn cách nối nét giữa **o, a, m**. / Làm tương tự với vần **oăm**.- HS viết: **oam, oăm** (2 lần). c) Viết tiếng: n**goạm**, (mỏ) **khoằm**- GV vừa viết tiếng **ngoạm** vừa hướng dẫn. Chú ý chữ **g** cao 2,5 li, dấu nặng đặt dưới **a**. / Làm tương tự với **khoằm**, dấu huyền đặt trên **ă**. - HS viết: **ngoạm**, (mỏ) **khoằm** (2 lần).**TIẾT 2****Hoạt động 3: *Tập đọc*** (BT 3)a) GV chỉ hình minh hoạ bài Mưu chú thỏ, giới thiệu: *hổ đang nhìn bóng mình dưới giếng, thỏ đứng trong bụi cây bên giếng nhìn ra.*b) GV đọc mẫu. Giải nghĩa từ: lang thang (đi đến chỗ này rồi lại đi chỗ khác, không dừng lại ở chỗ nào); giếng (hố đào sâu xuống lòng đất để lấy nước); sâu hoắm (rất sâu, không thấy đáy).c) Luyện đọc từ ngữ: một vài HS đánh vần (nếu cần), cả lớp đọc trơn: mưu, nộp mạng, đến lượt, buồn bã, lang thang, lòng giếng sâu hoắm, oàm, tiếng gầm, lao xuống, hết đời.d) Luyện đọc câu - GV: Bài đọc có mấy câu? (10 câu). - GV chỉ từng câu, HS đọc vỡ (1 HS, cả lớp). - Đọc tiếp nối từng câu (đọc liền câu 4 và 5; câu 7 và 8). e) Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (mỗi đoạn 5 câu); thi đọc cả bài. g) Tìm hiểu bài đọc - 1 HS đọc trước lớp nội dung BT. - HS viết ý mình chọn lên thẻ. / HS giơ thẻ. / Đáp án: Ý b đúng. - Thực hành: 1 HS hỏi- cả lớp đáp (không nói ý b, chỉ nói câu trả lời):+1 HS: Vì sao hổ tự lao đầu xuống giếng? + Cả lớp: (Ý b) Vì nó tưởng dưới giếng có con hổ khác. - GV nhắc HS không chơi gần giống hoặc hố sâu nguy hiểm. **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp:****-** Chỉ cho HS đọc lại một số câu trong bài đọc.- Đọc cho người thân nghe lại bài tập đọc. | -HS hát-HS lắng nghe-HS theo dõi-HS trả lời-HS đọc-HS thực hiện-HS thực hiện-HS đọc-HS thực hiện-HS thực hiện-HS theo dõi, lắng nghe-HS quan sát-HS lắng nghe-HS đọc-HS trả lời-HS thực hiện-HS thi đọc-HS thực hiện-HS thực hiện-HS theo dõi, lắng nghe-HS thực hiệnLắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..,**